TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST
Ngày: 10/3/2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rẻn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Ông Mai Thanh Toàn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 2 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn T , sinh năm 1969.

Địa chỉ: 096/HB ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Văn T: Bà Phan Thị Hồng H, sinh năm 1984 (theo văn bản ủy quyền ngày 18/12/2019) (có mặt)

Địa chỉ: 351 F, khu phố 2, phường D, thành phố E, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: 2.1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1975 (có mặt).

2.2. Bà Lê Thị L, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: số 034/HB, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

(Bà Lủy quyền cho ông N theo văn bản ủy quyền ngày 06/02/2020**)**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2019, trong quá trình tố tụng ông Trịnh Văn T cũng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan Thị Hồng H trình bày:

Từ năm 2012, ông T có bán thức ăn chăn nuôi heo cho vợ chồng ông Nguyễn

Văn N, bà Lê Thị L; Việc mua bán của đôi bên chỉ thỏa thuận miệng, trên cơ sở đó phía ông T giao thức ăn tận nhà cho phía ông N, bà Lành; Hình thức thanh toán tiền gối đầu, thường là khi bên mua nhận thức ăn tháng sau sẽ thanh toán tiền thức ăn tháng trước cho bên bán. Thời gian đầu đôi bên thực hiện thỏa thuận rất tốt, nhưng càng về sau thì số tiền phía ông N, bà L thiếu lại phía ông T càng nhiều. Tính đến ngày 16/02/2018 âm lịch thì vợ chồng ông N, bà L nợ ông T số tiền là 702.667.000đ; Vợ chồng ông N, bà L có viết văn bản xác nhận số tiền thiếu này; Đến ngày 29/8/2019 âm lịch (tức ngày 27/9/2019) ông N, bà L có trả cho ông T được 30.000.000đ rồi ngưng cho đến nay. Sau khi khấu trừ số tiền 30.000.000đ ông N, bà L đã trả cho ông T vào ngày 29/8/2019 âm lịch và khấu trừ số tiền chiết khấu mua thức ăn, tiền heo giống 29.500.000đ cho ông N, bà L thì ông N, bà Lcòn nợ ông T số tiền 643.167.000đ. Do nhiều lần ông Thối thúc ông N, bà Ltrả tiếp số tiền nợ còn thiếu mà phía ông N, bà L cứ Thoãn, né tránh trách nhiệm, vậy nên phía ông T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị L thanh toán số tiền mua thức ăn còn thiếu ông T gồm tiền gốc là 643.167.000đ, tiền lãi của số tiền 643.167.000đ tính từ ngày 28/9/2019 đến ngày tòa xét xử (ngày 10/3/2020) là 164 ngày với mức lãi suất là 10%/năm (tức 0,0278%/ngày) thành tiền lãi là 29.323.269đ.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn N (ông N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị L) trình bày:

Giữa vợ chồng ông N, bà L và ông Tcó hợp đồng miệng mua bán thức ăn cùng nhau từ năm 2008; Trong mối quan hệ làm ăn đó tính đến ngày 16/02/2018 âm lịch thì vợ chồng ông N, bà L nợ ông T số tiền là 702.667.000đ. Vợ chồng ông N, bà L có lập văn bản xác nhận số tiền 702.667.000đ còn thiếu ông T. Đến ngày 29/8/2019 âm lịch (tức ngày 27/9/2019) ông N, bà L trả cho ông T được số tiền 30.000.000đ, ngoài ra ông T đồng ý khấu trừ số tiền chiết khấu mua thức ăn và tiền heo giống cho ông N, bà Llà 29.500.000đ, nên ông N, bà L chỉ thiếu ông Tsố tiền 643.167.000đ. Từ ngày 27/9/2019 đến nay vì kinh tế khó khăn, chăn nuôi bị thua lỗ nên chưa thanh toán hết số tiền còn thiếu cho phía ông T, vì vậy bị ông T khởi kiện. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì ông N, bà L đồng ý thanh toán cho ông T số tiền 643.167.000đ còn thiếu nhưng xin thanh toán dần 20.000.000đ/năm đến khi dứt nợ, còn tiền lãi thì xin không trả vì hiện giờ hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn không có khả năng thanh toán một lần và thanh toán tiền lãi của số tiền còn nợ.

Phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của phía bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét việc nguyên đơn ông Trịnh Văn T yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị L thanh toán cho ông T số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo còn thiếu là 672.490.269đ. Trong đó tiền gốc là 643.167.000đ, tiền lãi của số tiền 643.167.000đ tính từ ngày 28/9/2019 đến ngày tòa xét xử 10/3/2020 là 164 ngày với mức lãi suất là 10%/năm (tức 0,0278%/ngày) thành tiền lãi là 29.323.269đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị L thừa nhận có mua thức ăn chăn nuôi heo của ông Trịnh Văn T. Tính đến ngày 16/02/2018 âm lịch thì vợ chồng ông N, bà L nợ ông T số tiền là 702.667.000đ. Vợ chồng ông N, bà L có lập văn bản xác nhận số tiền 702.667.000đ còn thiếu ông T. Đến ngày 29/8/2019 âm lịch (tức ngày 27/9/2019) ông N, bà L trả cho ông T được số tiền 30.000.000đ + số tiền 29.500.000đ (tiền chiết khấu mua thức ăn và tiền heo giống ông N, bà L được hưởng khi mua thức ăn) được ông T khấu trừ vào số nợ thiếu. Từ đó ông N, bà Lành, ông Tthống nhất: ông N, bà L thiếu ông Tsố tiền 643.167.000đ, từ ngày 27/9/2019 đến nay vì kinh tế khó khăn, chăn nuôi bị thua lỗ nên ông N, bà Lchưa thanh toán số tiền còn thiếu nói trên cho phía ông T.

Như vậy, bị đơn ông N, bà L hoàn toàn thừa nhận số tiền nợ chưa thanh toán và chứng cứ là giấy xác nhận nợ ngày 16/02/2018 âm lịch mà nguyên đơn đưa ra. Do đó, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị L thanh toán số tiền mua thức ăn nuôi heo còn thiếu ông T là 672.490.269đ. Trong đó tiền gốc là 643.167.000đ, tiền lãi của số tiền 643.167.000đ tính từ ngày 28/9/2019 đến ngày tòa xét xử 10/3/2020 là 164 ngày với mức lãi suất là 10%/năm (tức 0,0278%/ngày) là 29.323.269đ là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu của anh ông N, bà L đồng ý thanh toán cho ông T số tiền 643.167.000đ còn thiếu nhưng xin thanh toán dần 20.000.000đ/năm đến khi dứt nợ, còn tiền lãi thì xin không trả vì hiện giờ hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn không có khả năng thanh toán một lần và thanh toán tiền lãi của số tiền còn nợ là không được ông Tđồng ý và cũng không có căn cứ pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: (400.000.000đ x 5% + 272.490.269đ x 4%) = 30.899.610đ do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông N, bà L phải chịu theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn T. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Trịnh Văn T số tiền 672.490.269đ (Sáu trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi ngàn, hai trăm sáu mươi chín đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 643.167.000đ (Sáu trăm bốn mươi ba triệu, một trăm sáu mươi bảy ngàn đồng), tiền nợ lãi là 29.323.269đ (Hai mươi chín triệu, ba trăm hai mươi ba ngàn, hai trăm sáu mươi chín đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 30.899.610đ (Ba mươi triệu, tám trăm chín mươi chín ngàn, sáu trăm mười đồng) buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị L liên đới nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Trịnh Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.490.000đ (Mười lăm triệu, bốn trăm chín mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006797 ngày 22/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *THADS huyện Ba Tri;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Rẻn